

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ A2

PHÒNG THI: SỐ 11, 12

Ngày thi: Ngày 08 tháng 6 năm 2024

Giờ thi: 7 giờ 30

Hình thức thi: Trực tiếp

Phòng thi: 2B.604

Kỹ năng thi: Vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
1	291	D23QL104	Đặng Huỳnh	Nhã	21/03/2005	23DTCSKVH1			
2	292	D22DL150	Bùi Thị Thanh	Nhàn	08/02/2004	22DLH2			
3	293	D22QL049	Bùi Huỳnh Bảo	Nhân	28/08/2004	22DQL1			
4	294	D23VH135	Thái Thị Y	Nhân	28/10/2005	23DCN2			
5	295	D21DL253	Đoàn Anh	Nhân	30/01/2003	21DDL2			
6	296	D23QL124	Nguyễn Hữu	Nhân	17/10/2005	23DTCSKVH2			
7	297	D23QL043	Tạ Quang	Nhân	28/12/2005	23DQL			
8	298	D23VH259	Võ Phạm Thành	Nhân	24/06/2005	23DCN1			
9	299	D22DL183	Nguyễn Lưu Yến	Nhi	05/02/2004	22DLH2			
10	300	D23VH124	Phan Yến	Nhi	22/08/2005	23DTT1			
11	301	D22TV005	Trương Uyên	Nhi	01/09/2004	22DTV			
12	302	D22TV034	Nguyễn Thị Yến	Nhi	15/03/2004	22DTV			
13	303	D22VH087	Nguyễn Thị Yến	Nhi	17/03/2003	22DTT1			
14	304	D21DL281	Từ Ngọc Xuân	Nhi	29/11/2003	21DDL2			
15	305	D23VH187	Nguyễn Thị Ý	Nhi	06/12/2005	23DCN2			
16	306	D23DL036	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi	13/12/2005	23DLH2			
17	307	D22XB061	Trịnh Thị Ngọc	Nhi	12/01/2004	22DCN1			
18	308	D23QL125	Tạ Ngọc Uyên	Nhi	26/04/2005	23DTCSKVH1			
19	309	D23VH095	Mai Ngọc Ánh	Nhi	17/05/2005	23DTT1			
20	310	D23VH078	Hoàng Ngọc Yến	Nhi	19/06/2005	23DTT3			
21	311	D23QL031	Nguyễn Lê Thị Tuyết	Nhi	19/03/2005	23DQL			
22	312	D22DL079	Lê Uyên	Nhi	15/04/2004	22DLH1			
23	313	D22DL064	Trần Lê	Như	30/12/2004	22DLH1			
24	314	D23DL010	Lâm Ngọc	Như	19/02/2005	23DHDDL1			
25	315	D23VH151	Ngô Huỳnh	Như	23/10/2005	23DTT2			
26	316	D22VH120	Lê Thị Quỳnh	Như	20/02/2004	22DTT2			
27	317	D23VH232	Lê Thị Yến	Như	31/10/2005	23DTT1			
28	318	D23DL248	Nguyễn Huỳnh	Như	30/06/2005	23DLH1			
29	319	D22VH129	Nguyễn Đình Phương	Như	21/10/2004	22DCN2			
30	320	D22DL157	Phan Thị Huỳnh	Như	10/12/2004	22DLH2			
31	321	D22VH033	Huỳnh Thị Yến	Như	17/11/2004	22DVH			
32	322	D21DL115	Nguyễn Thị Yến	Như	03/03/2003	21DDL1			
33	323	D22VH096	Nguyễn Huỳnh	Như	10/01/2004	22DCN1			
34	324	D23QL086	Lê Thị Ý	Như	07/01/2005	23DTCSKVH2			
35	325	D23DL019	Đặng Thị Hồng	Như	06/01/2005	23DLH2			
36	326	D23BT030	Trần Thị Quỳnh	Như	15/09/2005	23DQLDS			
37	327	D23VH236	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	04/05/2005	23DTT1			
38	328	D23XB004	Lăng Thị Hồng	Nhung	31/10/2004	23DXB			
39	329	D22DL171	Nguyễn Thị Kim	Nhung	13/12/2004	22DLH2			

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
40	330	D22VH111	Đào Thị Hồng	Nhung	19/10/2004	22DTT2			
41	331	D23VH113	Nguyễn Yêm	Nhung	25/11/2005	23DCN1			
42	332	D23VH110	Hà Thị Kim	Nhung	18/07/2005	23DCN2			
43	333	D23DL142	H Úc Ngọc	Niê	27/07/2005	23DHDDL2			
44	334	D23DL063	Võ Thị Kiều	Ny	28/01/2005	23DLH2			
45	335	D20QL182	Hoàng Thị Hải	Oanh	26/03/2002	20DTCDDNT			
46	336	D23VH186	Trần Anh	Pha	31/01/2005	23DCN2			
47	337	D23DL126	Trương Kim	Phấn	30/01/2005	23DLH1			
48	338	D22DL040	Vòng Thị	Phấn	24/06/2004	22DLH1			
49	339	D22VH123	Lê Tuấn	Phát	31/01/2004	22DCN1			
50	340	D21VH172	Ngô Thị	Phi	10/01/2003	21DTT5			
51	341	D23DL205	Phan Hoài	Phong	12/07/2005	23DLH2			
52	342	D23DL139	Nguyễn Thanh	Phong	06/08/2005	23DHDDL1			
53	343	D23DL067	Phạm Lê Quan	Phú	09/06/2005	23DLH1			
54	344	D23VH156	Lê Thanh	Phú	21/07/2005	23DTT2			
55	345	D23VH079	Trần Trọng	Phúc	07/05/2005	23DVH			
56	346	D22BT064	Trương Đức Minh	Phúc	06/11/2004	22DBT			

Tổng số thí sinh theo danh sách: **56**

Tổng số thí sinh dự thi

Tổng số thí sinh vắng mặt

Cán bộ coi thi thứ nhất

Trưởng ban Coi thi

Cán bộ coi thi thứ hai

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ A2

PHÒNG THI: SỐ 13, 14

Ngày thi: Ngày 08 tháng 6 năm 2024

Giờ thi: 7 giờ 30

Hình thức thi: Trực tiếp

Phòng thi: 2B.605

Kỹ năng thi: Vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
1	347	D23DL222	Lê Hoàng	Phúc	03/08/2005	23DHDDL2			
2	348	D22BT044	Ngô Thiên	Phúc	05/09/2004	22DQLDS			
3	349	D23DL102	Thái Hoàng	Phúc	06/10/2005	23DLH2			
4	350	D22BT028	Phạm Huỳnh Tấn	Phúc	09/03/2004	22DQLDS			
5	351	D22TV032	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	13/01/2003	22DTV			
6	352	D23VH209	Trần Thị Mỹ	Phụng	13/09/2005	23DTT2			
7	353	D22DL025	Nguyễn Thanh	Phụng	25/12/2004	22DHDDL1			
8	354	D22TV006	Nguyễn Mai Kim	Phụng	20/07/2003	22DTV			
9	355	D23DL079	Trần Xuân	Phước	08/01/2005	23DLH2			
10	356	D23VH239	Lê Thị Ánh	Phương	27/03/2004	23DVH			
11	357	D22DL048	Trần Thị Mỹ	Phương	25/03/2004	22DHDDL1			
12	358	D23QL034	Huỳnh Ngọc Mai	Phương	11/11/2005	23DQL			
13	359	D23VH116	Lê Thị Mỹ	Phương	15/02/2005	23DTT2			
14	360	D23DL155	Nguyễn Thị Thanh	Phương	22/05/2005	23DHDDL2			
15	361	D22VH187	Trần Lê	Phương	30/04/2004	22DCN2			
16	362	D23DL158	Trần Thị Ngọc	Phương	01/01/2005	23DHDDL1			
17	363	D23VH205	Lê Kim	Phương	27/03/2005	23DTT1			
18	364	D23VH064	Phan Thị Trúc	Phương	26/04/2005	23DTT3			
19	365	D23BT021	Phạm Nguyễn Uyên	Phương	06/02/2005	23DQLDS			
20	366	D23DL091	Đặng Thị Hồng	Phượng	13/11/2005	23DLH2			
21	367	D23QL130	Nguyễn Trương Minh	Quân	15/11/2005	23DQL			
22	368	D23DL231	Nguyễn Minh	Quân	13/08/2005	23DHDDL1			
23	369	D23DL239	Lê Minh	Quân	25/10/2005	23DHDDL2			
24	370	D23VH269	Trần Hoàng	Quí	07/10/2004	23DVH			
25	371	D23QL132	Nguyễn Hữu	Quốc	28/01/2005	23DQL			
26	372	D23VH097	Lê Phú	Quý	14/02/2005	23DTT2			
27	373	D23TV038	Lê Phạm Phú	Quý	30/05/2005	23DTV			
28	374	D23QL160	Trần Hồng	Quyên	07/04/2005	23DTCSKVH2			
29	375	D23QL156	Phạm Thị Thu	Quyên	04/11/2005	23DTCSKVH1			
30	376	D23QL060	Nguyễn Thùy	Quyên	20/05/2005	23DTCSKVH2			
31	377	D23DL110	Nguyễn Thị Cao	Quyên	12/07/2005	23DHDDL2			
32	378	D23BT040	Mã Trúc	Quyên	25/04/2005	23DQLDS			
33	379	D22VH109	Phạm Văn	Quyết	24/11/2004	22DTT2			
34	380	D22DL042	Nguyễn Nhật	Quỳnh	12/09/2004	22DLH1			
35	381	D23DL049	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	29/11/2005	23DLH1			
36	382	D23QL010	Phạm Thị Ánh	Quỳnh	21/07/2005	23DTCSKVH2			
37	383	D23VH226	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	08/01/2005	23DCN2			
38	384	D23BT054	Giang Từ	Quỳnh	27/12/2005	23DQLDS			
39	385	D23BT048	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	12/01/2005	23DQLDS			

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
40	386	D22DL099	Trần Hoàng	Sơn	17/07/2004	22DDL			
41	387	D22DL181	Trần Thị Thu	Sương	27/10/2004	22DLH2			
42	388	D23DL105	Nguyễn Thị Thảo	Tâm	09/04/2005	23DLH2			
43	389	D22VH204	Nguyễn Trần Thanh	Tâm	13/10/2004	22DVH			
44	390	D23BT011	Lưu Thị Mỹ	Tâm	06/12/2005	23DQLDS			
45	391	D23DL133	Hồ Thị Kim	Tánh	08/10/2005	23DHDDL1			
46	392	D23DL083	Đặng Ngọc	Thái	05/10/2004	23DLH1			
47	393	D23VH070	Phạm Trung	Thái	10/04/2004	23DTT3			
48	394	D22VH148	Đỗ Thị Hồng	Thắm	25/08/2004	22DCN1			
49	395	D22DL144	Nguyễn Thị Mộng	Thắm	27/02/2004	22DLH2			
50	396	D23DL234	Phạm Thị	Thắm	01/02/2005	23DDL			
51	397	D23DL186	Nguyễn Mai Đức	Thắng	04/05/2005	23DLH2			
52	398	D22BT047	Lý Ngọc Tâm	Thanh	16/11/2004	22DQLDS			
53	399	D23DL040	Mông Thị	Thanh	26/12/2005	23DDL			
54	400	D23DL250	Cao Thị	Thanh	29/04/2005	23DHDDL1			
55	401	D23DL122	Nguyễn Xuân	Thành	25/10/2005	23DHDDL2			
56	402	D22DL123	Trần Thu	Thảo	28/04/2004	22DLH2			

Tổng số thí sinh theo danh sách: **56**
 Tổng số thí sinh dự thi
 Tổng số thí sinh vắng mặt

Cán bộ coi thi thứ nhất

Trưởng ban Coi thi

Cán bộ coi thi thứ hai

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ A2

PHÒNG THI: SỐ 15, 16

Ngày thi: Ngày 08 tháng 6 năm 2024

Giờ thi: 7 giờ 30

Hình thức thi: Trực tiếp

Phòng thi: 2B.608

Kỹ năng thi: Vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
1	403	D23VH134	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	08/06/2005	23DTT3			
2	404	D22VH162	Hồ Thị Xuân	Thảo	10/02/2004	22DCN1			
3	405	D23QL076	Đào Thanh	Thảo	15/01/2005	23DTCSKVH2			
4	406	D22DL055	Võ Huỳnh Phương	Thảo	20/01/2004	22DLH1			
5	407	D23DL011	Nguyễn Thị	Thảo	18/04/2005	23DLH1			
6	408	D23BT047	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/05/2005	23DBT			
7	409	D23VH019	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	05/01/2005	23DTT1			
8	410	D22DL114	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/09/2003	22DLH2			
9	411	D22TV022	Trương Thị Thành	Thảo	19/01/2004	22DTV			
10	412	D23VH213	Lưu Thị Xuân	Thảo	18/02/2005	23DCN2			
11	413	D23DL134	Nguyễn Thị Thu	Thảo	23/01/2005	23DDL			
12	414	D23VH035	Bùi Thị Thanh	Thảo	29/01/2005	23DTT1			
13	415	D22DL146	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	25/05/2004	22DHDDL1			
14	416	D23QL065	Huỳnh Tú	Thảo	23/02/2005	23DTCSKVH1			
15	417	D23QL187	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	01/01/2005	23DTCSKVH1			
16	418	D23QL064	Nguyễn Lê Huỳnh	Thảo	24/05/2005	23DTCSKVH2			
17	419	D23DL021	Trần Ngọc Minh	Thảo	06/10/2005	23DHDDL1			
18	420	D23QL103	Nguyễn Văn Uyên	Thảo	16/10/2005	23DQL			
19	421	D23BT052	Nguyễn Thị Phương	Thảo	05/01/2005	23DQLDS			
20	422	D23VH076	Trần Sương Diệp	Thảo	26/06/2005	23DCN2			
21	423	D23DL016	Lê Quỳnh	Thì	05/12/2005	23DDL			
22	424	D23QL091	Lê Thị	Thiên	10/07/2005	23DTCDDNT			
23	425	D23VH171	Lê Ngọc Kim	Thiện	19/01/2005	23DVH			
24	426	D23DL008	Đặng Hữu	Thiện	28/11/2005	23DLH2			
25	427	D23QL148	Ngô Thị Anh	Thơ	12/06/2005	23DQL			
26	428	D22TV026	Phạm Hồng	Thơ	03/07/2004	22DTV			
27	429	D23QL014	Huỳnh Kim	Thoa	07/10/2005	23DTCSKVH2			
28	430	D23QL180	Nguyễn Thị	Thỏa	12/02/2005	23DTCSKVH1			
29	431	D22DL113	Nguyễn Viết	Thông	02/10/2004	22DLH2			
30	432	D23QL002	Trần Thị	Thu	05/06/2005	23DTCSKVH1			
31	433	D23QL179	Đoàn Thị Ngọc	Thu	10/10/2005	23DTCSKVH2			
32	434	D21VH344	Đặng Anh	Thư	16/09/2003	21DTT5			
33	435	D23DL219	Nguyễn Anh	Thư	27/03/2005	23DLH1			
34	436	D23QL009	Nguyễn Thị Anh	Thư	05/06/2005	23DTCSKVH1			
35	437	D23QL136	Lê Minh	Thư	23/10/2005	23DTCSKVH2			
36	438	D23DL028	Phạm Ngọc Anh	Thư	07/04/2005	23DHDDL2			
37	439	D23QL134	Tô Ngọc Anh	Thư	01/06/2005	23DTCSKVH2			
38	440	D23QL098	Nguyễn Lê Anh	Thư	02/07/2005	23DQL			
39	441	D23QL071	Trần Huỳnh Anh	Thư	08/12/2005	23DTCSKVH1			

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
40	442	D22DL170	Hà Văn	Thước	09/12/2004	22DLH2			
41	443	D22DL087	Vũ Văn	Thương	14/06/2004	22DHDDL1			
42	444	D23XB033	Bùi Thị Hoài	Thương	05/06/2005	23DXB			
43	445	D20DL176	Đào Thị Thanh	Thương	22/07/2002	20DDL2			
44	446	D23DL227	Phan Thanh	Thủy	15/01/2005	23DHDDL2			
45	447	D23QL089	Phan Trần Thanh	Thủy	27/09/2005	23DTCSKVH1			
46	448	D22DL033	Công Thị Mộng	Thúy	16/01/2004	22DLH1			
47	449	D23BT004	Lê Thanh	Thúy	27/10/2005	23DQLDS			
48	450	D23VH039	Lê Thị	Thùy	12/01/2005	23DTT1			
49	451	D23QL128	Đinh Thị Lệ	Thùy	02/04/2005	23DTCSKVH2			
50	452	D23VH083	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	02/09/2005	23DTT2			
51	453	D22DL072	Nguyễn Thị Thu	Thủy	29/07/2004	22DLH1			
52	454	D23VH158	Hồ Thị Thu	Thủy	20/10/2005	23DTT1			
53	455	D22DL182	Ngô Thị	Thủy	24/04/2004	22DLH2			
54	456	D23DL026	Trần Thị Kim	Thủy	24/02/2005	23DDL			
55	457	D23QL142	Đàng Nữ Bích	Thủy	13/10/2005	23DTCSKVH1			
56	458	D22XB039	Ka	Thuyền	26/06/2003	22DXB2			

Tổng số thí sinh theo danh sách: **56**

Tổng số thí sinh dự thi

Tổng số thí sinh vắng mặt

Cán bộ coi thi thứ nhất

Trưởng ban Coi thi

Cán bộ coi thi thứ hai

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ A2

PHÒNG THI: SỐ 17, 18

Ngày thi: Ngày 08 tháng 6 năm 2024

Giờ thi: 7 giờ 30

Hình thức thi: Trực tiếp

Phòng thi: 2B.104

Kỹ năng thi: Vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
1	459	D23VH219	Trần Nguyễn Anh	Thy	24/11/2005	23DCN1			
2	460	D23QL095	Phạm Ngọc Bảo	Thy	28/03/2005	23DQL			
3	461	D22VH008	Trần Phạm Cẩm	Tiên	11/09/2004	22DTT1			
4	462	D22VH104	Danh Thị Mỹ	Tiên	09/02/2004	22DTT1			
5	463	D23VH115	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	03/04/2005	23DTT2			
6	464	D22DL059	Nguyễn Cẩm	Tiên	27/02/2004	22DHDDL1			
7	465	D23TV023	Nguyễn Hòa Thuận	Tiên	30/03/2005	23DTV			
8	466	D23VH119	Nguyễn Minh	Tiến	13/03/2005	23DTT1			
9	467	D23DL151	Tổng Hữu	Tiến	27/07/2005	23DHDDL1			
10	468	D23DL094	Hồ Mỹ	Tiên	12/09/2005	23DHDDL2			
11	469	D22BT043	Nguyễn Trung	Tín	11/02/2004	22DBT			
12	470	D23DL114	Phạm Văn	Tính	14/06/2005	23DDL			
13	471	D23VH207	Nguyễn Thị	Tính	16/06/2005	23DCN1			
14	472	D23DL038	Nguyễn Chí	Tính	24/09/2005	23DLH1			
15	473	D23QL102	Trần Minh	Toán	04/10/2005	23DTCSKVH2			
16	474	D23DL068	Huỳnh Quang	Toàn	31/10/2005	23DHDDL2			
17	475	D23QL129	Trần Thanh	Toàn	30/08/2000	23DTCSKVH1			
18	476	D23DL050	Trần Huỳnh Hà	Trâm	12/01/2005	23DHDDL1			
19	477	D22DL037	Ngô Thị Tú	Trâm	15/07/2004	22DDL			
20	478	D23DL106	Đinh Nguyễn Ngọc	Trâm	02/12/2005	23DDL			
21	479	D23TV008	Võ Thị Ngọc	Trâm	27/08/2005	23DTV			
22	480	D23DL077	Nguyễn Thị Bảo	Trân	05/09/2005	23DLH2			
23	481	D22VH170	Nguyễn Thái Bảo	Trân	08/10/2004	22DCN1			
24	482	D23QL094	Nguyễn Đồng Bảo	Trân	05/02/2005	23DTCSKVH2			
25	483	D21VH239	Bùi Khánh	Trân	06/11/2003	21DTT4			
26	484	D22BT042	Hồ Ngọc Thảo	Trân	30/10/2004	22DQLDS			
27	485	D23VH133	Hồ Bảo	Trân	30/06/2005	23DCN1			
28	486	D22DL180	Vũ Thị Thu	Trang	02/03/2004	22DLH2			
29	487	D22DL091	Hoàng Triệu Thị	Trang	17/04/2004	22DLH2			
30	488	D23VH159	Nguyễn Thị Thùy	Trang	22/07/2005	23DTT1			
31	489	D23VH197	Nguyễn Thị Đoan	Trang	31/01/2005	23DCN1			
32	490	D23VH194	Vì Thị Kiều	Trang	13/09/2005	23DTT1			
33	491	D23VH086	Lê Minh	Trang	27/02/2005	23DCN2			
34	492	D23DL061	Trần Thị Hoài	Trang	21/02/2005	23DHDDL1			
35	493	D23QL011	Phạm Thùy	Trang	26/09/2005	23DTCSKVH1			
36	494	D22TV036	Nguyễn Thị Xuân	Trang	29/02/2004	22DTV			
37	495	D23BT036	Nguyễn Thị Thùy	Trang	24/10/2005	23DQLDS			
38	496	D23VH044	Lê Minh	Trí	11/07/2005	23DTT3			
39	497	D23QL054	Phạm Thị Nhã	Triên	02/06/2005	23DTCSKVH2			

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
40	498	D22DL020	Trần Thị Hoài	Trình	29/12/2004	22DLH1			
41	499	D23VH246	Mai Hoàng Ngọc	Trình	12/03/2005	23DTT1			
42	500	D22DL136	Chamaléa Thị Phương	Trình	03/11/2004	22DLH2			
43	501	D22DL003	Bùi Thị Tuyết	Trình	27/04/2004	22DLH1			
44	502	D22DL090	Nguyễn Thị Lan	Trình	04/04/2004	22DHDDL1			
45	503	D23DL116	Nguyễn Thị Tú	Trình	02/07/2005	23DHDDL2			
46	504	D23VH038	Nguyễn Đậu Mai	Trình	02/07/2005	23DTT2			
47	505	D23QL122	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	22/05/2005	23DTCSKVH1			
48	506	D23QL197	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	01/08/2005	23DTCSKVH1			
49	507	D23QL168	Nguyễn Đan	Trình	20/07/2005	23DQL			
50	508	D22XB020	Võ Thanh	Trúc	08/11/2004	22DXB2			
51	509	D23QL026	Nguyễn Huỳnh Thu	Trúc	13/07/2005	23DTCSKVH2			
52	510	D23VH085	Nguyễn Đỗ Thanh	Trúc	21/10/2005	23DTT3			
53	511	D23DL169	Nguyễn Trần Khắc	Trung	24/01/2005	23DHDDL1			
54	512	D22BT046	Dương Nhật	Trường	12/12/2003	22DBT			
55	513	D23TV012	Trương Nhật	Trường	09/11/2004	23DTV			
56	514	D23DL024	Nguyễn Thị Mộng	Tú	27/03/2005	23DDL			

Tổng số thí sinh theo danh sách: **56**

Tổng số thí sinh dự thi

Tổng số thí sinh vắng mặt

Cán bộ coi thi thứ nhất

Trưởng ban Coi thi

Cán bộ coi thi thứ hai

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ A2

PHÒNG THI: SỐ 19, 20

Ngày thi: Ngày 08 tháng 6 năm 2024

Giờ thi: 7 giờ 30

Hình thức thi: Trực tiếp

Phòng thi: 2B.106

Kỹ năng thi: Vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
1	515	D23XB040	Nguyễn Lê Thanh	Tú	30/09/2005	23DXB			
2	516	D22DL027	Nguyễn Hanh	Tuấn	14/11/2004	22DLH1			
3	517	D22BT062	Phạm Anh	Tuấn	04/08/2004	22DBT			
4	518	D23VH125	Nguyễn Thanh	Tùng	21/05/2005	23DCN2			
5	519	D22VH202	Trần Thị Kim	Tuyền	02/09/2004	22DVH			
6	520	D22DL173	Võ Bích	Tuyền	04/02/2004	22DDL			
7	521	D23BT008	Lê Thị Thanh	Tuyền	17/08/2005	23DQLDS			
8	522	D22VH017	Tổng Thị Thu	Uyên	27/02/2004	22DTT1			
9	523	D22VH056	Võ Thái Mỹ	Uyên	21/05/2004	22DTT1			
10	524	D23XB044	Trần Tiên	Uyên	18/10/2005	23DXB			
11	525	D22XB026	Trần Phụng	Uyên	01/07/2004	22DXB2			
12	526	D23VH010	Lê Đặng Tú	Uyên	03/10/2005	23DVH			
13	527	D23QL195	Lê Phạm Tú	Uyên	05/03/2005	23DTCSKVH1			
14	528	D22DL120	Quảng Thị Thu	Vân	14/02/2004	22DHDDL1			
15	529	D23XB008	Nguyễn Thị Bích	Vân	21/03/2005	23DXB			
16	530	D23DL163	Trương Thị Hồng	Vân	23/01/2005	23DLH2			
17	531	D23VH199	Nguyễn Thanh	Vân	28/08/2005	23DTT1			
18	532	D23DL177	Mai Ngọc	Vân	21/03/2005	23DLH2			
19	533	D23DL088	Nguyễn Thị Thảo	Vân	07/06/2005	23DLH1			
20	534	D23QL046	Lê Thị Thúy	Vân	09/02/2005	23DTCSKVH2			
21	535	D23TV018	Trịnh Thị Thảo	Vân	04/11/2005	23DTV			
22	536	D23DL131	Đoàn Tường	Vi	10/04/2005	23DDL			
23	537	D23DL185	Trần Hồ Thúy	Vi	27/08/2005	23DHDDL2			
24	538	D23BT006	Nguyễn Thị Thảo	Vi	23/07/2005	23DQLDS			
25	539	D23QL016	Trần Thế	Vinh	07/08/2005	23DTCSKVH2			
26	540	D23BT025	Cao Thế	Vinh	16/09/2005	23DQLDS			
27	541	D23DL072	Hà Huy	Vũ	26/08/2005	23DLH1			
28	542	D23DL174	Nguyễn Hoàng	Vũ	20/06/2005	23DDL			
29	543	D23BT023	Trần Tuấn	Vũ	03/04/2004	23DQLDS			
30	544	D23DL001	Bùi Thanh	Vui	11/01/2005	23DHDDL1			
31	545	D22VH066	Trương Thảo	Vy	26/03/2004	22DTT1			
32	546	D22QL044	Nguyễn Thị Lan	Vy	26/09/2004	22DQL1			
33	547	D23DL018	Võ Nguyễn Tường	Vy	09/08/2005	23DDL			
34	548	D23DL225	Nguyễn Ái	Vy	09/06/2005	23DLH1			
35	549	D23DL029	Nguyễn Hồ Khánh	Vy	08/06/2005	23DHDDL1			
36	550	D23VH063	Nguyễn Tường	Vy	20/09/2005	23DCN1			
37	551	D23QL189	Nguyễn Thị Tường	Vy	02/09/2005	23DTCSKVH2			
38	552	D23DL204	Đặng Hà	Vy	07/05/2005	23DHDDL2			
39	553	D22DL013	Đặng Liêu Tường	Vy	21/12/2004	22DDL			

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
40	554	D23BT049	Trương Thị Bảo	Vy	27/10/2005	23DQLDS			
41	555	D23QL162	Lê Nguyễn Tường	Vy	05/08/2005	23DQL			
42	556	D23DL190	Đào Xuân	Vy	25/02/2005	23DLH2			
43	557	D23BT005	Trần Yên	Vy	02/06/2005	23DQLDS			
44	558	D22XB005	Võ Thị Mỹ	Xuân	23/03/2004	22DXB2			
45	559	D23DL076	Trương Nguyễn Thanh	Xuân	10/02/2005	23DHDDL2			
46	560	D21DL124	Nguyễn Thị Yên	Xuân	24/01/2003	21DDL1			
47	561	D23VH146	Võ Nguyễn Lệ	Xuân	12/04/2005	23DTT1			
48	562	D22VH106	Hà Thị Như	Ý	22/11/2004	22DCN1			
49	563	D23DL171	Huỳnh Thị Như	Ý	12/10/2005	23DDL			
50	564	D23VH058	Võ Thị Như	Ý	13/06/2005	23DTT3			
51	565	D22VH157	Bùi Thị Như	Yến	12/12/2003	22DCN2			
52	566	D21VH347	Hoàng Thị Hải	Yến	19/05/2003	21DTT5			
53	567	D23DL167	Đỗ Thị Bảo	Yến	07/10/2005	23DLH1			
54	568	D23QL035	Nông Hoàng	Yến	14/11/2005	23DQL			
55	569	D21DL078	Phan Thị Hải	Yến	13/02/2003	21DDL1			
56	570	D23QL177	Trần Ngọc	Yến	08/02/2005	23DTCSKVH1			
57	571	D23QL158	Trần Đặng Mai	Trình	07/11/2005	23DQL			
58	572	D23VH138	Trần Ngô Bảo	Khang	26/11/2005	23DCN1			

Tổng số thí sinh theo danh sách: **58**

Tổng số thí sinh dự thi

Tổng số thí sinh vắng mặt

Cán bộ coi thi thứ nhất

Trưởng ban Coi thi

Cán bộ coi thi thứ hai

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ A2

PHÒNG THI: SỐ 1, 2

Ngày thi: Ngày 08 tháng 6 năm 2024

Giờ thi: 9 giờ 30

Hình thức thi: Trực tiếp

Phòng thi: 2B.604

Kỹ năng thi: Vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
1	1	D23DL003	Đặng Thị Thanh	Ái	21/09/2005	23DLH1			
2	2	D23QL008	Nguyễn Thị Ngọc	Ái	10/09/2005	23DQL			
3	3	D22DL085	Vũ Hoài	An	09/04/2004	22DLH1			
4	4	D23DL123	Lê Phạm Vân	An	07/09/2005	23DLH2			
5	5	D23VH172	Trần Thị Hà	An	08/12/2005	23DTT2			
6	6	D23DL236	Vì Thị Thu	An	01/05/2005	23DDL			
7	7	D23QL133	Kpă H'	Ân	11/09/2005	23DTCSKVH2			
8	8	D22DL004	Lê Ngọc	Anh	02/11/2004	22DHDDL1			
9	9	D20QL024	Vòng Mỹ	Anh	22/03/2002	20DTCDDNT			
10	10	D23VH224	Lê Tuyết	Anh	03/05/2005	23DVH			
11	11	D23VH020	Nguyễn Dương Phương	Anh	11/06/2005	23DTT1			
12	12	D22VH144	Lê Ngọc	Anh	11/10/2004	22DTT2			
13	13	D23VH154	Phạm Thị Phương	Anh	28/11/2005	23DVH			
14	14	D21VH313	Nguyễn Hồng	Anh	25/04/2003	21DTT5			
15	15	D23DL183	Phan Thị Kim	Anh	27/07/2005	23DLH1			
16	16	D22XB021	Văn Trương	Anh	06/08/2004	22DCN1			
17	17	D23XB003	Trần Phương	Anh	21/01/2005	23DXB			
18	18	D22VH134	Nguyễn Thị Mai	Anh	24/06/2004	22DVH			
19	19	D23DL020	Võ Kiều	Anh	05/08/2003	23DLH2			
20	20	D22XB002	Phạm Hà Minh	Anh	31/01/2004	22DXB1			
21	21	D22DL158	Bùi Nguyễn Vân	Anh	02/09/2004	22DLH2			
22	22	D23QL088	Nguyễn Minh	Anh	25/09/2005	23DTCSKVH2			
23	23	D23DL074	Lê Hoàng Tuấn	Anh	04/09/2005	23DLH2			
24	24	D23VH276	Vũ Ngọc	Anh	26/06/2005	23DCN2			
25	25	D23QL004	Đỗ Thị Phương	Anh	01/01/2005	23DTCSKVH1			
26	26	D23QL121	Phùng Mai	Anh	13/10/2005	23DQL			
27	27	D23BT039	Võ Ngọc Tú	Anh	29/09/2005	23DQLDS			
28	28	D23VH096	Đỗ Huỳnh Quế	Anh	07/08/2005	23DTT3			
29	29	D23VH206	Nguyễn Thị	Ánh	29/09/2005	23DCN2			
30	30	D23QL178	Lê Nguyễn Ngọc	Ánh	23/08/2005	23DTCSKVH1			
31	31	D22DL049	Nguyễn Quốc	Bảo	12/02/2004	22DDL			
32	32	D22VH070	Hồ Gia	Bảo	02/04/2004	22DCN2			
33	33	D23DL078	Tài Lê Thái	Bảo	24/06/2005	23DHDDL1			
34	34	D23DL226	Nguyễn Văn	Bền	30/01/2005	23DDL			
35	35	D23VH023	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	17/05/2005	23DCN2			
36	36	D22DL011	Nguyễn Ngọc	Bình	22/07/2004	22DLH1			
37	37	D21XB034	Võ Thị Cẩm	Bình	06/08/2003	21DXB			
38	38	D22DL116	Nguyễn Đức	Bình	19/10/2003	22DDL			
39	39	D23DL240	Huỳnh Văn	Bình	13/11/2005	23DDL			
40	40	D21VH374	Dương Văn	Bôn	21/10/2003	21DTT5			

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
41	41	D23QL126	Hoàng Thị Thúy	Cầm	21/02/2005	23DTCDDNT			
42	42	D21VH364	Tân Quốc	Cang	26/11/2003	21DTT5			
43	43	D22DL019	Lê Thư	Cát	01/01/2004	22DLH1			
44	44	D23VH148	Nguyễn Bảo	Chấn	13/04/2005	23DTT3			
45	45	D23QL078	Bùi Bảo Liên Trân	Châu	21/09/2005	23DQL			
46	46	D21DL033	Thái Phạm Minh	Châu	14/10/2002	21DHDDL1			
47	47	D23BT017	Nguyễn Đỗ Minh	Châu	30/11/2005	23DQLDS			
48	48	D23QL159	Trần Thị Kim	Chi	19/03/2005	23DTCSKVH2			
49	49	D23QL006	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	27/08/2005	23DTCSKVH1			
50	50	D23DL046	Triệu Thị Phương	Chi	22/11/2005	23DLH1			
51	51	D23BT010	Nguyễn Thị Khánh	Chi	14/05/2005	23DQLDS			
52	52	D22DL029	Đàm Thị Tâm	Chí	10/08/2004	22DHDDL1			
53	53	D23QL052	Phạm Minh	Chiến	04/06/2005	23DTCSKVH1			
54	54	D21DL314	Vũ Thị Kim	Cúc	24/01/2003	21DDL1			
55	55	D23QL181	Trần Kim	Cúc	18/10/2005	23DTCSKVH2			
56	56	D22DT007	Nguyễn Thế	Cường	11/09/1981	22DDT			
57	57	D23VH007	Danh	Đại	21/03/2005	23DCN1			
58	58	D22TV045	Nguyễn Bảo Linh	Đan	12/08/2004	22DTV			

Tổng số thí sinh theo danh sách: **58**

Tổng số thí sinh dự thi

Tổng số thí sinh vắng mặt

Cán bộ coi thi thứ nhất

Trưởng ban Coi thi

Cán bộ coi thi thứ hai

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ A2

PHÒNG THI: SỐ 3, 4

Ngày thi: Ngày 08 tháng 6 năm 2024

Giờ thi: 9 giờ 30

Hình thức thi: Trực tiếp

Phòng thi: 2B.605

Kỹ năng thi: Vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
1	59	D23QL135	Hà Hải	Đăng	25/10/2005	23DTC SKVH1			
2	60	D23VH169	Phạm Nhựt	Đăng	07/09/2005	23DTT1			
3	61	D22VH004	Nguyễn Thành	Danh	24/11/2004	22DTT1			
4	62	D23QL138	Lê Công	Danh	11/11/2003	23DTCDDNT			
5	63	D23BT007	Lê Thị Hiếu	Danh	11/07/2005	23DQLDS			
6	64	D23DL023	Châu Ngọc	Đào	19/02/2005	23DHDDL2			
7	65	D23DL159	Mai Thanh	Đào	27/03/2005	23DLH2			
8	66	D23VH067	Lê Nguyễn Thành	Đạt	01/08/2005	23DTT2			
9	67	D22DL139	Đặng Quốc	Đạt	04/01/2004	22DLH2			
10	68	D23DL027	Vũ Tiến	Đạt	14/07/2005	23DLH1			
11	69	D22VH047	Nguyễn Tiến	Đạt	31/08/2004	22DTT1			
12	70	D22DL045	Lưu Tấn	Đạt	27/09/2004	22DHDDL1			
13	71	D23BT003	Âu	Đạt	27/09/2005	23DQLDS			
14	72	D23DL245	Đỗ Thành	Đạt	19/02/2005	23DHDDL1			
15	73	D23QL087	Lê Ngọc	Diễm	21/02/2005	23DTC SKVH2			
16	74	D23XB001	Biện Hoàng	Diễm	05/10/2005	23DXB			
17	75	D23QL170	Nguyễn Phước	Điền	27/11/2004	23DQL			
18	76	D22VH092	Nguyễn Ngọc Trúc	Diệp	02/11/2004	22DCN1			
19	77	D22DL151	Trần Thị	Diệu	21/04/2004	22DLH2			
20	78	D23DL149	Nguyễn Văn	Định	07/07/2005	23DHDDL1			
21	79	D23DL144	Phạm Thành	Đồng	07/08/2005	23DLH2			
22	80	D23DL212	Ngô Minh	Đức	25/05/2005	23DHDDL2			
23	81	D23VH102	Đinh Thị Thùy	Dương	02/01/2005	23DTT1			
24	82	D21VH008	Ngôn Thùy	Dương	28/03/2003	21DTT5			
25	83	D23VH142	Phạm Thùy	Dương	23/10/2005	23DTT2			
26	84	D23DL051	Bùi Thị Thùy	Dương	06/11/2005	23DDL			
27	85	D23QL005	Võ Thị Thùy	Dương	04/12/2005	23DTC SKVH1			
28	86	D23BT027	Lưu Thị Thùy	Dương	05/11/2005	23DQLDS			
29	87	D20TV005	Phạm Hoàng	Duy	14/11/2002	20DTV			
30	88	D23VH242	Nguyễn Thế	Duy	15/10/2005	23DTT1			
31	89	D23DL252	Phùng Tấn	Duy	06/01/2005	23DHDDL1			
32	90	D23VH054	Nguyễn Đức	Duy	04/07/2005	23DCN2			
33	91	D21VH003	Ngô Mỹ	Duyên	06/05/2003	21DTT5			
34	92	D22VH100	Phạm Hồng	Duyên	15/11/2003	22DCN1			
35	93	D23VH130	Nguyễn Kỳ	Duyên	22/10/2005	23DTT2			
36	94	D21DL227	Đỗ Thị	Duyên	24/07/2003	21DDL1			
37	95	D23VH043	Phạm Thị Thúy	Duyên	22/04/2005	23DTT3			
38	96	D23TV024	Thái Huỳnh Kim	Duyên	07/11/2005	23DTV			
39	97	D22DL169	Hồ Thị Hương	Giang	02/10/2004	22DLH2			

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
40	98	D23VH189	Hoàng Xuân	Giang	20/01/2005	23DTT1			
41	99	D21VH335	Phan Thị Trúc	Giang	21/09/2003	21DTT5			
42	100	D23DL165	Hà Thị Hương	Giang	12/01/2005	23DLH1			
43	101	D22VH098	Lý Thị Cẩm	Giang	17/02/2004	22DTT1			
44	102	D23DL089	Trần Thị Thu	Giang	20/02/2005	23DLH2			
45	103	D23BT032	Huỳnh Nguyễn Hương	Giang	05/09/2005	23DQLDS			
46	104	D23BT016	Hoàng Thanh	Giang	29/12/2005	23DQLDS			
47	105	D23BT050	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	13/05/2005	23DQLDS			
48	106	D23VH121	Nguyễn Văn	Hà	08/02/2005	23DTT1			
49	107	D22DL115	Võ Ngọc	Hà	15/09/2004	22DHDDL1			
50	108	D23QL120	Màn Thị Thu	Hà	12/04/2005	23DTCSKVH2			
51	109	D23QL190	Lâm Bảo	Hà	27/03/2005	23DTCSKVH1			
52	110	D23BT001	Nguyễn Ngọc Thanh	Hà	04/07/2005	23DQLDS			
53	111	D23QL017	Phạm Ngô Vương	Hạ	11/02/2005	23DTCSKVH1			
54	112	D23VH065	Nguyễn Thu Thái Nhật	Hạ	12/10/2004	23DTT2			
55	113	D23DL031	Ngô Văn	Hải	20/03/2005	23DDL			
56	114	D23BT022	Lê Hoàng	Hải	25/04/2005	23DQLDS			
57	115	D23VH165	Trương Thị Kiều	Hân	07/08/2005	23DCN1			
58	116	D22BT065	Huỳnh Bảo	Hân	25/10/2004	22DQLDS			

Tổng số thí sinh theo danh sách: **58**
 Tổng số thí sinh dự thi
 Tổng số thí sinh vắng mặt

Cán bộ coi thi thứ nhất

Trưởng ban Coi thi

Cán bộ coi thi thứ hai

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ A2

PHÒNG THI: SỐ 5, 6

Ngày thi: Ngày 08 tháng 6 năm 2024

Giờ thi: 9 giờ 30

Hình thức thi: Trực tiếp

Phòng thi: 2B.608

Kỹ năng thi: Vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
1	117	D23VH157	Nguyễn Ngọc	Gia	Hân	15/09/2005	23DVH		
2	118	D23QL152	Lê Bảo		Hân	06/09/2005	23DTCSKVH2		
3	119	D23VH145	Châu Thị Ngọc		Hân	20/11/2005	23DTT3		
4	120	D23VH055	Trần Văn		Hân	15/08/2005	23DCN2		
5	121	D23QL109	Nguyễn Ngọc		Hân	18/10/2005	23DTCSKVH1		
6	122	D23QL030	Lê Ngọc		Hân	15/03/2005	23DTCDDNT		
7	123	D23VH037	Phùng Quang		Hằng	24/04/2005	23DTT1		
8	124	D23BT045	Mông Thị		Hằng	05/05/2005	23DQLDS		
9	125	D23QL021	Nguyễn Trọng Hồng		Hạnh	16/01/2005	23DTCSKVH1		
10	126	D22DL135	Nguyễn Thị		Hạnh	26/06/2004	22DLH2		
11	127	D23VH217	Trần Thị		Hào	04/06/2005	23DVH		
12	128	D22VH167	Hong Trường		Hào	24/12/2004	22DCN1		
13	129	D22TV017	Lê Thị Kim		Hào	20/09/2004	22DTV		
14	130	D23VH025	Trần Thị Minh		Hậu	06/11/2005	23DVH		
15	131	D22DL132	Huỳnh Thị Ái		Hậu	08/01/2004	22DLH2		
16	132	D22DL026	Bùi Minh		Hậu	15/06/2004	22DDL		
17	133	D23VH031	Bùi Trần Phúc		Hậu	30/03/2005	23DTT2		
18	134	D22VH040	Trần Đoàn Bảo		Hiên	23/08/2004	22DVH		
19	135	D23DL137	Nguyễn Thúy		Hiên	01/11/2005	23DLH2		
20	136	D21XB018	Phạm Thị Ngọc		Hiên	21/08/2003	21DXB		
21	137	D23DL166	Nguyễn Thị		Hiên	15/06/2005	23DLH1		
22	138	D20DL081	Hà Thị		Hiên	17/02/2002	20DLH2		
23	139	D21VH353	Lê Thị		Hiếu	11/03/2003	21DTT5		
24	140	D23QL029	Phan Sĩ		Hồ	23/06/2005	23DQL		
25	141	D23BT051	Trương Thị Thùy		Hoa	04/07/2005	23DQLDS		
26	142	D22DL141	Triệu Thị Xuân		Hồng	08/10/2004	22DHDDL1		
27	143	D23VH072	Nguyễn Lê Thiên		Hồng	06/06/2005	23DCN2		
28	144	D23VH131	Nguyễn Phúc		Hung	14/01/2005	23DTT1		
29	145	D23DL220	Dương Đức		Hung	14/08/2005	23DHDDL1		
30	146	D22DL063	Trần Thị Thu		Hương	11/09/2004	22DHDDL1		
31	147	D23DL184	Lâm Lý		Hương	28/01/2005	23DDL		
32	148	D23QL131	Mai Thị Thanh		Hương	21/12/2005	23DTCSKVH1		
33	149	D23DL099	Lê Nguyễn Hoài		Hương	15/12/2005	23DLH1		
34	150	D23DL044	Hứa Thị Thanh		Hường	23/04/2005	23DDL		
35	151	D23VH028	Huỳnh Thị Thu		Hường	27/10/2005	23DTT3		
36	152	D23QL018	Nguyễn Anh		Huy	22/01/2005	23DTCSKVH2		
37	153	D23VH092	Nguyễn Huỳnh Hoàng		Huy	30/03/2005	23DTT3		
38	154	D23DL153	Phạm Quốc		Huy	12/10/2005	23DHDDL2		
39	155	D23QL149	Võ Quốc		Huy	21/07/2005	23DTCSKVH1		

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
40	156	D23BT055	Huỳnh Quốc	Huy	12/04/2005	23DQLDS			
41	157	D23DL195	Bùi Nguyễn Quang	Huy	22/07/2005	23DLH1			
42	158	D23DL173	Phan Nhật	Huy	18/02/2000	23DDL			
43	159	D23DL138	Nguyễn Thanh	Huy	06/09/2005	23DLH2			
44	160	D23BT035	Ngô Gia	Huy	19/05/2005	23DQLDS			
45	161	D21VH346	Nguyễn Diệu	Huyền	20/11/2003	21DTT5			
46	162	D23QL083	Trần Thị Thanh	Huyền	05/05/2005	23DTCSKVH2			
47	163	D23DL187	Lưu Thu	Huyền	16/03/2005	23DLH1			
48	164	D22DL032	Bùi Thị Ngọc	Huỳnh	09/01/2004	22DLH1			
49	165	D23BT002	Viên Ngọc Trúc	Huỳnh	19/10/2005	23DQLDS			
50	166	D23DL069	Hoàng Lê Minh	Kha	19/04/2005	23DHDDL1			
51	167	D23DL086	Phạm Minh	Khang	24/11/2005	23DLH1			
52	168	D23VH188	Nguyễn Duyên Phúc	Khang	07/12/2005	23DTT2			
53	169	D23VH060	Võ Minh	Kháng	05/03/2005	23DTT3			
54	170	D22VH080	Hồ Ngọc Bảo	Khanh	08/05/2004	22DTT1			
55	171	D23DL179	Hà Nam	Khánh	25/02/2005	23DDL			
56	172	D23DL060	Nguyễn Kim	Khánh	19/12/2005	23DLH2			
57	173	D23DL039	Nguyễn Trần Thanh	Khiết	08/01/2005	23DHDDL1			
58	174	D22VH174	Võ Đăng	Khoa	20/01/2004	22DTT2			

Tổng số thí sinh theo danh sách: **58**
 Tổng số thí sinh dự thi
 Tổng số thí sinh vắng mặt

Cán bộ coi thi thứ nhất

Trưởng ban Coi thi

Cán bộ coi thi thứ hai

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ A2

PHÒNG THI: SỐ 7, 8

Ngày thi: Ngày 08 tháng 6 năm 2024

Giờ thi: 9 giờ 30

Hình thức thi: **Trực tiếp**

Phòng thi: 2B.104

Kỹ năng thi: Vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
1	175	D22BT034	Trần Đăng	Khoa	14/04/2004	22DBT			
2	176	D23DL080	Trần Nguyễn Quốc	Khôi	03/03/2005	23DLH2			
3	177	D23DL233	Lê Minh	Khởi	16/05/2005	23DHDDL2			
4	178	D23VH204	Huỳnh Duy	Khương	14/02/2005	23DCN1			
5	179	D22XB049	Nguyễn Trung	Kiên	19/11/2004	22DXB1			
6	180	D23DL043	Trần Gia	Kiệt	28/11/2005	23DLH1			
7	181	D23DL168	Đinh Văn	Kiệt	18/11/2005	23DDL			
8	182	D21DL123	Nguyễn Tuấn	Kiệt	03/02/2003	21DLH2			
9	183	D23QL119	Đinh Tuấn	Kiệt	29/09/2005	23DTCSKVH1			
10	184	D21VH341	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	18/04/2003	21DTT5			
11	185	D23QL055	Võ Thị Thúy	Kiều	09/08/2005	23DTCSKVH2			
12	186	D23QL107	Trần Thị	Kiều	01/02/2005	23DQL			
13	187	D23VH273	Nguyễn Hồ Nhật	Lam	14/01/2005	23DVH			
14	188	D23QL147	Vũ Thị Ngọc	Lan	02/09/2005	23DQL			
15	189	D23QL143	Nguyễn Vũ Ngọc	Lan	08/06/2005	23DQL			
16	190	D23QL040	Lê Thị Mỹ	Lan	02/02/2005	23DTCDDNT			
17	191	D23QL146	Bùi Thị	Liễu	01/01/2005	23DTCSKVH1			
18	192	D22VH081	Trần Thị Phương	Linh	14/01/2004	22DCN2			
19	193	D23QL025	Nguyễn Hoàng Thùy	Linh	18/09/2005	23DTCSKVH2			
20	194	D23QL123	Bùi Thị Mỹ	Linh	20/03/2005	23DTCSKVH2			
21	195	D23DL164	Võ Phan Trúc	Linh	28/10/2005	23DHDDL2			
22	196	D23VH211	Đoàn Thị Trúc	Linh	05/07/2005	23DTT3			
23	197	D21DL283	Trần Thị Thùy	Linh	31/01/2003	21DDL1			
24	198	D23QL059	Nguyễn Thị Thúy	Linh	16/04/2005	23DQL			
25	199	D23QL058	Nguyễn Thị Khánh	Linh	25/07/2005	23DTCSKVH1			
26	200	D23QL001	Nguyễn Thị Bảo	Linh	09/12/2005	23DTCSKVH1			
27	201	D23DL052	Trần Thị Thùy	Linh	24/08/2005	23DLH1			
28	202	D23VH089	Võ Thị Ngọc	Linh	03/06/2005	23DTT1			
29	203	D23DL203	Nguyễn Hương	Linh	27/05/2005	23DDL			
30	204	D23QL069	Nguyễn Thị Khánh	Linh	15/06/2005	23DTCSKVH1			
31	205	D23DL230	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/01/2005	23DLH2			
32	206	D23QL085	Huỳnh Thị Ngọc	Linh	01/06/2005	23DTCSKVH1			
33	207	D23DL066	Vũ Phạm Ngọc	Loan	11/04/2005	23DLH1			
34	208	D21VH375	Lê Thị Tuyết	Loan	16/03/2003	21DTT5			
35	209	D23VH103	Trầm Lê Hoàng Hữu	Lộc	02/10/2005	23DVH			
36	210	D23DL092	Trần Văn	Lộc	19/07/2005	23DHDDL1			
37	211	D23DL135	Hà Văn	Lợi	03/11/2005	23DHDDL2			
38	212	D22DL121	Nguyễn Tiến	Lợi	24/02/2004	22DDL			
39	213	D23QL041	Đỗ Thành	Long	23/03/2005	23DTCSKVH1			

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
40	214	D23DL015	Huỳnh Thanh Thế	Luân	18/02/2005	23DHDDL1			
41	215	D23DL194	Phan Thị Cẩm	Ly	19/07/2005	23DHDDL1			
42	216	D22DL073	Phan Thị Trúc	Ly	28/04/2004	22DLH1			
43	217	D23DL170	Nguyễn Thị Phương	Ly	07/02/2005	23DHDDL1			
44	218	D21VH244	Lê Hồng	Ly	30/10/2003	21DTT5			
45	219	D23DL146	Trương Thị Cẩm	Ly	04/03/2005	23DHDDL2			
46	220	D21DL080	Nguyễn Diệp	Ly	10/06/2003	21DHDDL1			
47	221	D23QL050	Nguyễn Thị Khánh	Ly	28/05/2005	23DQL			
48	222	D21VH337	Nguyễn Thị Khánh	Ly	13/01/2003	21DTT5			
49	223	D22DL035	Lê Ngọc	Mai	08/12/2004	22DLH1			
50	224	D23DL209	Trương Nguyễn Như	Mai	21/11/2005	23DHDDL2			
51	225	D23QL184	Đỗ Thị Tuyết	Mai	06/10/2005	23DTCSKVH2			
52	226	D23QL092	Nguyễn Thị Xuân	Mai	07/10/2005	23DTCSKVH1			
53	227	D23QL074	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	10/03/2005	23DQL			
54	228	D23VH278	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	23/10/2005	23DTT3			
55	229	D22VH159	Nguyễn Kiều	Mẫn	29/09/2003	22DTT2			
56	230	D23DL172	Nguyễn Thị Kiều	Mi	14/01/2005	23DLH1			
57	231	D21VH303	Kiều Thị Tuyết	Minh	22/04/2003	22DTT2			
58	232	D23DL180	Nguyễn Lê	Minh	29/03/2005	23DDL			

Tổng số thí sinh theo danh sách: **58**
 Tổng số thí sinh dự thi
 Tổng số thí sinh vắng mặt

Cán bộ coi thi thứ nhất

Trưởng ban Coi thi

Cán bộ coi thi thứ hai

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO TRÌNH ĐỘ A2

PHÒNG THI: SỐ 9, 10

Ngày thi: Ngày 08 tháng 6 năm 2024

Giờ thi: 9 giờ 30

Hình thức thi: Trực tiếp

Phòng thi: 2B.106

Kỹ năng thi: Vấn đáp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
1	233	D23QL075	Nguyễn Văn	Minh	20/06/2005	23DTCSKVH2			
2	234	D22QL035	Trần Thị Thanh	Mùi	23/02/2004	23DTCSKVH1			
3	235	D23QL144	Huỳnh Kiều	My	04/10/2005	23DTCSKVH2			
4	236	D22VH205	Trần Huyền	My	17/06/2003	22DTT2			
5	237	D22XB016	Nguyễn Ngọc Hải	My	25/08/2004	22DXB1			
6	238	D21QL067	Nguyễn Phạm Trà	My	29/08/2003	21DTCSKVH2			
7	239	D23DL145	Nguyễn Lê Tiểu	My	05/02/2005	23DDL			
8	240	D23DL148	Nguyễn Trà	My	24/03/2005	23DLH2			
9	241	D23QL067	Phan Võ Huyền	My	15/07/2005	23DTCSKVH1			
10	242	D23VH144	Phạm Thị Diễm	My	06/07/2005	23DTT2			
11	243	D23QL198	Nguyễn Trà	My	11/02/2005	23DQL			
12	244	D22XB060	Thái Thị Thoại	Mỹ	15/12/2003	22DXB2			
13	245	D23VH214	Hồ Lê Hoàng	Mỹ	20/12/2005	23DCN2			
14	246	D21DL134	Nguyễn Thị	My	12/06/2003	21DDL1			
15	247	D23QL150	Lê Thị Ly	Na	18/03/2005	23DTCSKVH2			
16	248	D23DL004	Lê Hoàng	Nam	10/10/2004	23DLH2			
17	249	D23DL221	Nguyễn Hữu	Nam	10/09/2004	23DDL			
18	250	D22VH164	Nguyễn Trần Hải	Nam	20/03/2004	22DCN2			
19	251	D23DL103	Đỗ Thị Ngọc	Nga	29/05/2005	23DDL			
20	252	D21VH381	Lương Thị	Nga	07/03/2003	21DTT5			
21	253	D23QL019	Bùi Thị	Nga	22/08/2004	23DTCSKVH1			
22	254	D23DL207	Trần Mỹ	Ngà	05/07/2005	23DLH1			
23	255	D22VH131	Lê Thị Tuyết	Ngân	09/02/2004	22DCN1			
24	256	D20QL172	Trần Kim	Ngân	09/01/2002	20DTCSKVH			
25	257	D23DL108	Lê Thị Kim	Ngân	12/10/2005	23DLH2			
26	258	D22DL005	Nguyễn Thị Bích	Ngân	01/09/2004	22DLH1			
27	259	D23QL039	Nguyễn Huyền	Ngân	26/10/2005	23DTCSKVH2			
28	260	D21DL244	Nguyễn Thị Yến	Ngân	29/12/2003	21DDL2			
29	261	D23QL093	Trương Thị Thanh	Ngân	11/04/2005	23DTCSKVH2			
30	262	D23DL192	Lâm Bảo	Ngân	02/04/2005	23DHDDL2			
31	263	D22TV013	Đỗ Thị Mỹ	Ngân	28/11/2004	22DTV			
32	264	D23VH140	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	12/08/2005	23DTT1			
33	265	D22DL016	Huỳnh Ý	Ngân	24/08/2004	22DDL			
34	266	D23QL036	Nguyễn Vân Tuyết	Ngân	04/02/2005	23DQL			
35	267	D23QL027	Võ Xuân	Ngân	04/10/2005	23DTCSKVH1			
36	268	D22DL148	Đào Thị Mỹ	Nghệ	04/04/2004	22DLH2			
37	269	D23VH120	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	12/05/2005	23DTT1			
38	270	D23BT026	Phạm Hữu	Nghị	16/06/2005	23DQLDS			
39	271	D23VH032	Lê Trọng	Nghĩa	04/10/2005	23DCN1			

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học	Số tờ giấy thi	Ký nộp bài	Ghi chú
40	272	D23DL199	Nguyễn Hữu	Nghĩa	13/02/2005	23DHDDL1			
41	273	D22DL175	Lê Thị Ngọc	Ngoan	10/08/2004	22DLH2			
42	274	D23DL130	Vũ Thị Hoài	Ngoan	14/05/2005	23DLH1			
43	275	D22XB058	Bùi Hoàng Bảo	Ngọc	20/03/2004	22DXB2			
44	276	D23DL107	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	09/10/2005	23DHDDL2			
45	277	D23DL178	Đồng Hồng	Ngọc	21/10/2005	23DHDDL2			
46	278	D23DL042	Lương Thị Hồng	Ngọc	01/05/2005	23DLH2			
47	279	D22TV028	Nguyễn Lê Như	Ngọc	07/10/2003	22DTV			
48	280	D23DL129	Nguyễn Minh	Ngọc	27/01/2005	23DLH2			
49	281	D23QL003	Nguyễn Võ Mỹ	Ngọc	17/04/2005	23DQL			
50	282	D23QL169	Lê Ngô Kim	Ngọc	28/01/2005	23DTCSKVH2			
51	283	D23VH149	Lê Nguyễn Bảo	Ngọc	27/11/2004	23DTT2			
52	284	D23DL125	Dương Bảo	Ngọc	15/08/2005	23DHDDL1			
53	285	D23BT020	Trần Thị Bích	Ngọc	26/05/2005	23DQLDS			
54	286	D23VH123	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	29/03/2005	23DTT3			
55	287	D23VH270	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/09/2005	23DTT3			
56	288	D23DL154	Nguyễn Thảo	Nguyên	10/02/2005	23DHDDL1			
57	289	D23BT033	Trần Châu Phương	Nguyên	11/04/2005	23DQLDS			
58	290	D22DL172	Nguyễn Văn Trọng	Nguyễn	18/09/2004	22DLH2			

Tổng số thí sinh theo danh sách: **58**
 Tổng số thí sinh dự thi
 Tổng số thí sinh vắng mặt

Cán bộ coi thi thứ nhất

Trưởng ban Coi thi

Cán bộ coi thi thứ hai